

CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1849/QNI-QLDN2

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 5 năm 2026

V/v ưu đãi đầu tư

Kính gửi: Công ty cổ phần điện khí LNG Quảng Ninh
MST: 5702123925

Địa chỉ: Khu phố Nội Hoàng Tây, Phường Hoàng Quế, tỉnh Quảng Ninh

Ngày 13/4/2026, Thuế tỉnh Quảng Ninh nhận được công văn số 44/2026/QNLNG ngày 10/4/2026 của Công ty cổ phần điện khí LNG Quảng Ninh (sau đây gọi là Công ty) V/v đề nghị rà soát và cho ý kiến về việc áp dụng các ưu đãi đầu tư đối với Dự án Nhà máy điện khí LNG Quảng Ninh. Về vấn đề này, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn Thuế tỉnh Quảng Ninh trả lời như sau:

1. Chi phí thuê đất:

- Tại khoản 2 Điều 39 Nghị định 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định:

“2. Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất đối với các dự án thuộc trường hợp miễn tiền thuê đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai. Trường hợp người thuê đất sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp (trồng cây lâu năm) theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thời gian xây dựng cơ bản vườn cây được miễn tiền thuê đất áp dụng đối với từng loại cây thực hiện theo quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây lâu năm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định. Việc miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản được thực hiện theo dự án gắn với việc Nhà nước cho thuê đất mới, chuyển từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất, không bao gồm các trường hợp đầu tư xây dựng cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất kinh doanh và tái canh vườn cây trên diện tích đất đang được Nhà nước cho thuê; trường hợp đầu tư xây dựng cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất kinh doanh mà được Nhà nước cho thuê thêm diện tích đất khác để thực hiện dự án, trong đó có hoạt động xây dựng cơ bản thì được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản đối với phần diện tích đất được Nhà nước cho thuê thêm.

Trường hợp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền đã cấp trước ngày có Quyết định cho thuê đất theo quy định của pháp luật có ghi thời gian xây dựng cơ bản (tiến độ thực hiện dự án) thì căn cứ vào Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư đó để xác định thời gian xây dựng cơ bản đối với

từng dự án nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất.”

- Tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được thay thế bởi điểm a khoản 14 Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính Phủ:

“3. Miễn tiền thuê đất sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều này đối với trường hợp sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai, trừ trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này, cụ thể như sau:

a) Miễn 03 (ba) năm đối với dự án sản xuất, kinh doanh thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư.

b) Miễn 07 (bảy) năm đối với dự án sản xuất, kinh doanh đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

c) Miễn 11 (mười một) năm đối với dự án sản xuất, kinh doanh đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án sản xuất, kinh doanh đầu tư thuộc Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư; dự án sản xuất, kinh doanh thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

d) Miễn 15 (mười lăm) năm đối với dự án sản xuất, kinh doanh thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án sản xuất, kinh doanh thuộc Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; đối với đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành khai thác sử dụng công trình ngầm.

e) Miễn toàn bộ thời gian thuê đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thực hiện các dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

g) Miễn tiền thuê đất đối với các dự án quy định tại khoản 15 Điều 38 Nghị định này theo mức do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định.

... ”

2. Chi phí thuê khu vực biển:

- Tại Điều 31 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ Quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 25 Điều 2 và điểm đ khoản 2 Điều 3 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ):

“Điều 31. Các hoạt động sử dụng khu vực biển không phải nộp tiền sử dụng biển

1. Hoạt động hàng hải phục vụ lợi ích quốc gia, công cộng và các kết cấu hạ tầng hàng hải được đầu tư bằng ngân sách nhà nước phục vụ lợi ích quốc gia, công cộng với mục đích phi lợi nhuận.

2. Sử dụng khu vực biển được quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Thủy sản.

3. Sử dụng khu vực biển có định để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

4. Sử dụng khu vực biển cho các khu bảo tồn biển, khu vực khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khu bảo tồn đất ngập nước.

5. Sử dụng khu vực biển để tìm kiếm, thăm dò dầu khí; sử dụng khu vực biển để khai thác dầu khí, vận chuyển tài nguyên dầu khí khai thác được trong các vùng biển của Việt Nam về bờ bằng đường ống theo hợp đồng chia sản phẩm dầu khí và quyết định của Thủ tướng Chính phủ (bao gồm cả các hoạt động sử dụng khu vực biển phục vụ trực tiếp cho các hoạt động khai thác, vận chuyển dầu khí; sử dụng khu vực biển để lắp đặt giàn khai thác, làm cảng dầu khí, xây dựng hệ thống đường ống dẫn dầu khí, đường ống nội mỏ và các công trình phụ trợ trực tiếp khác).

6. Sử dụng khu vực biển để nhận chìm chất nạo vét của vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, luồng hàng hải và các công trình phụ trợ khác để phục vụ lợi ích công cộng và các kết cấu hạ tầng hàng hải khác được đầu tư bằng ngân sách nhà nước để phục vụ lợi ích công cộng với mục đích phi lợi nhuận.

7. Sử dụng khu vực biển để xây dựng, lắp đặt, vận hành các công trình phục vụ lợi ích quốc gia, công cộng.

7a. Các hoạt động không phải thực hiện thủ tục giao khu vực biển theo quy định tại khoản 1 Điều 6a Nghị định này; các hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên biển quy định tại Điều 14a Nghị định này.”

- Tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định:

“1. Trừ các trường hợp quy định tại Điều 31 Nghị định này, các hoạt động sử dụng khu vực biển phải nộp tiền sử dụng khu vực biển.”

3. Thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Tại điểm đ, khoản 2 Điều 12 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/6/2025:

“2. Ngành, nghề ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

...

đ) Đầu tư phát triển nhà máy nước, nhà máy điện, hệ thống cấp thoát nước, cầu, đường bộ, đường sắt, cảng hàng không, cảng biển, cảng sông, sân

bay, nhà ga và công trình cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định;

...

- Tại khoản 3 Điều 18 Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/6/2025:

“3. Địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

a) Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, trừ địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại số thứ tự 55 Phụ lục III danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ);

b) Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, trừ địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn quy định tại số thứ tự 55 Phụ lục III danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ);

c) Khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung.”

- Tại điểm a, khoản 1 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/6/2025:

“1. Áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm đối với:

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 12 của Luật này; thu nhập của doanh nghiệp quy định tại điểm e khoản 2 Điều 12 của Luật này;

...”

- Tại điểm a, khoản 1 Điều 14 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/6/2025:

“1. Miễn thuế tối đa 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 09 năm tiếp theo đối với:

a) Thu nhập của doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật này;

...”

Căn cứ các quy định nêu trên và tình hình thực tế tại Công ty, đề nghị Công ty đối chiếu với các quy định của pháp luật để xác định ưu đãi chi phí thuê đất, chi phí sử dụng khu vực biển và thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

Thuế tỉnh Quảng Ninh trả lời đề Công ty cổ phần điện khí LNG Quảng Ninh biết, thực hiện theo đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đã được trích dẫn tại văn bản này./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Trưởng thuế (đề b/c);
- Phòng CNTK, NVDTTC;
- Web Thuế tỉnh QN;
- Lưu: VT, QLDN2.

(pbchan)

056

**KT. TRƯỞNG THUẾ TỈNH
PHÓ TRƯỞNG THUẾ TỈNH**



Vũ Huy Khuê